

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2024.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Vũ

- Ông Lê Khắc Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Hồ Thanh T1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Hồ Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thạnh Phú ngày 19/10/2009. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Hồ Tuấn A, sinh ngày: 21/11/2009 và Hồ Mộng Th, sinh ngày: 16/8/2014. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Hiện nay 02 con chung đang sống chung với anh T1 nên chị đồng ý để anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 10/12/2023 chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn anh Hồ Thanh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Hồ Thanh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Th, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm T có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Hồ Thanh T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh T1.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Hồ Thanh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/10/2009. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh T1 được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng trong thời gian chung sống cả hai có những bất đồng quan điểm dẫn đến không thể giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Thanh T1.

Tòa án đã tạo điều kiện để chị T và anh T1 hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị T không có yêu cầu.

[5] Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng con chung ngày 10/12/2023 thì 02 cháu Th và cháu A đều có nguyện vọng sống chung với mẹ. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh và tự khai của chị T thì hiện nay 02 con chung đang sống chung với anh T1 và chị T cũng đồng ý để 02 con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, tiếp tục để con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày tự thỏa thuận, anh T1 không có lời trình bày về tài sản. Do đó, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T. Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Hồ Thanh T1. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị T không có yêu cầu.

2. Về con chung: Anh Hồ Thanh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Tuấn A, sinh ngày: 21/11/2009 và Hồ Mộng Th, sinh ngày: 16/8/2014. Ghi nhận chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết, chị T, anh T1 có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày tự thỏa thuận, anh T1 không có lời trình bày về tài sản. Do đó, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000383 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã A, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí